CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 89/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo căn cứ nội dung Phương án đơn giản hóa được Chính phủ thông qua tại Điều 1 Nghị quyết này, trong phạm vi thẩm quyền chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính, giấy tờ công dân quy định tại văn bản quy phạm pháp luật để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành phù hợp với thời điểm hoàn thành, vận hành của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 3. Giao Văn phòng Chính phủ theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ)

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Thủ tục cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ - B-BGD-285116-TT

Giảm bớt yêu cầu thông tin tại Mẫu Lý lịch khoa học bao gồm: Giới tính, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, quê quán, dân tộc, chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc (Phụ lục III Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ) và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

2. Thủ tục mở ngành đào tạo trình độ đại học - B-BGD-285117-TT

Giảm bớt yêu cầu thông tin tại Mẫu Lý lịch khoa học bao gồm các thông tin: Giới tính, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, quê quán, dân tộc, chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc (Phụ lục V Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng) và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

3. Thủ tục đăng ký, xác nhận đề án đào tạo chất lượng cao trình độ đại học - B-BGD-285147-TT

Giảm bớt yêu cầu thông tin tại Mẫu Lý lịch khoa học bao gồm các thông tin: Giới tính, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, quê quán, dân tộc, chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc (Phụ lục III Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học) và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

4. Thủ tục tuyển chọn và cử nghiên cứu sinh đi đào tạo ở nước ngoài - B-BGD-285181-TT

Giảm bớt yêu cầu thông tin tại Mẫu phiếu đăng ký dự tuyển đi đào tạo trình độ tiến sĩ ở nước ngoài bao gồm các thông tin: Giới tính, dân tộc, ngày tháng năm sinh (Phụ lục IV Thông tư số 35/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định "Đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010 - 2020" được phê duyệt tại Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ) và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

5. Thủ tục xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú - B-BGD-285294-TT

Bỏ các thành phần hồ sơ sau (quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú):

- Giấy khai sinh (bản sao xuất trình kèm bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực);

- Sổ hộ khẩu (bản sao xuất trình kèm bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận hộ khẩu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương).

6. Thủ tục xét duyệt học sinh bán trú

Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao sổ hộ khẩu có công chứng quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 30/2015/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú ban hành kèm theo Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Thủ tục cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập -B-BGD-285297-TT

Giảm bớt yêu cầu thông tin tại Mẫu Đơn đề nghị cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng bao gồm các thông tin: ngày tháng năm sinh, nơi sinh, họ tên cha hoặc mẹ của học sinh, sinh viên, hộ khẩu thường trú quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

8. Thủ tục chuyển trường đối với học sinh tiểu học - B-BGD-285281-TT

Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy khai sinh quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 50/2012/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 40; bổ sung Điều 40a của Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học.

9. Thủ tục xét cấp học bổng chính sách - B-BGD-285168-TT

Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy khai sinh quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 5 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung mục 3 của Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2008 về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh sinh viên học tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

10. Nhóm thủ tục hỗ trợ học sinh bán trú, học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn gồm:

- Thủ tục xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trường trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn - B-BGD-285399-TT.

- Thủ tục xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số - B-BGD-285400-TT.

- Thủ tục xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người Kinh thuộc hộ nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn -B-BGD-285401-TT.

Bỏ thành phần hồ sơ: Sổ hộ khẩu (bản sao có mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính; trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận của Trưởng Công an xã); giảm các yêu cầu thông tin tại Mẫu đơn số 01, Mẫu đơn số 02 về ngày tháng năm sinh, dân tộc, thường trú quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

11. Thủ tục đề nghị miễn giảm học phí cho học sinh, sinh viên -B-BGD-285239-TT

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy khai sinh, Bản sao sổ hộ khẩu (đối với các đối tượng có yêu cầu nộp các thành phần hồ sơ này).

- Giảm bớt các yêu cầu thông tin về: Ngày tháng năm sinh, nơi sinh, họ tên cha, mẹ học sinh sinh viên, hộ khẩu thường trú tại Mẫu đơn đề nghị miễn, giảm học phí; Mẫu đơn đề nghị cấp bù tiền miễn, giảm học phí tại Phụ lục IV; Phụ lục VI (Dùng cho học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập hoặc tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế) và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

(Quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021).

12. Thủ tục hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người - B-BGD-285404-TT

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao có mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính giấy khai sinh, sổ hộ khẩu và bỏ yêu cầu xác nhận tại Ủy ban nhân dân xã trong Đơn đề nghị hỗ trợ.

- Giảm bớt các yêu cầu thông tin về: Hộ khẩu thường trú, sinh ngày, dân tộc tại Mẫu đơn đề nghị hỗ trợ học tập (Mẫu số 02, Mẫu số 04) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh,

sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

13. Thủ tục hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người -B-BGD-285403-TT

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao có mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính giấy khai sinh, sổ hộ khẩu và bỏ yêu cầu xác nhận tại Ủy ban nhân dân xã trong Đơn đề nghị hỗ trợ.

- Giảm bớt các yêu cầu thông tin về: Hộ khẩu thường trú, sinh ngày, dân tộc tại các Mẫu đơn đề nghị hỗ trợ học tập tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

14. Thủ tục xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo ba và bốn tuổi - B-BGD-285285-TT

Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BGDĐT-BTC-BNV ngày 11 tháng 3 năm 2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo quy định tại Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011 - 2015.

15. Thủ tục cấp thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục -B-BGD-284846-TT

Giảm bớt các yêu cầu thông tin về: Giới tính, ngày tháng năm sinh, dân tộc, quê quán, hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện nay tại Mẫu đơn đăng ký dự tuyển kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 60/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

16. Thủ tục gia hạn thời gian học tập cho lưu học sinh để hoàn thành khóa học - B-BGD-285118-TT

Giảm bớt yêu cầu thông tin tại: Mẫu Báo cáo tiến độ học tập bao gồm các thông tin: Giới tính, ngày sinh, dân tộc, tôn giáo, quê quán, nơi ở tại Việt Nam quy

định tại Mẫu số 1 Báo cáo tiến độ học tập ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

17. Thủ tục tiếp nhận lưu học sinh về nước - B-BGD-285119-TT

Giảm bớt yêu cầu thông tin tại Mẫu Báo cáo tốt nghiệp bao gồm các thông tin: Ngày sinh, địa chỉ cư trú, địa chỉ liên hệ quy định tại Mẫu số 4 Báo cáo tốt nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

18. Thủ tục tuyển chọn chuyên gia giáo dục đi làm việc ở nước ngoài - B-BGD-285121-TT

Giảm bớt yêu cầu thông tin tại Mẫu Đơn đăng ký dự tuyển đi làm chuyên gia giáo dục ở nước ngoài bao gồm các thông tin: Ngày sinh, quê quán (quy định tại Mẫu 01 Đơn đăng ký dự tuyển đi làm chuyên gia giáo dục ở nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 4982/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý chuyên gia giáo dục Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài) và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

19. Thủ tục tuyển sinh đi học nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, học bổng Hiệp định và học bổng khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý -B-BGD-285295-TT

- Giảm bớt yêu cầu thông tin tại Mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển bao gồm các thông tin: Giới tính, ngày tháng năm sinh, giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân, hộ chiếu số và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu phổ thông; Bản sao Giấy khai sinh (đối với ứng viên là người dân tộc thiểu số), hộ khẩu thường trú đối với ứng viên thuộc đối tượng ưu tiên theo khu vực.

(Quy định tại Phụ lục I, Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài).

20. Thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông -B-BGD-285220-TT

Bỏ yêu cầu nộp bản sao giấy khai sinh, hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận tạm trú dài hạn quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Quyết định số 51/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

21. Thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở -B-BGD-285268-TT

Bỏ yêu cầu nộp bản sao giấy khai sinh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Quyết định số 51/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 ban hành quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

22. Thủ tục cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học phổ thông -B-BGD-285238-TT

Giảm bớt yêu cầu các thông tin về: Giới tính, nơi sinh, quê quán, dân tộc, địa chỉ liên hệ tại Danh sách trích ngang người đăng ký dạy thêm; Danh sách trích ngang người tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm và người đăng ký dạy thêm; Đơn xin dạy thêm có dán ảnh của người đăng ký dạy thêm quy định tại điểm b khoản 1, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 12 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

23. Thủ tục cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở -B-BGD-285284-TT

Giảm bớt các yêu cầu thông tin về: Giới tính, nơi sinh, quê quán, dân tộc, địa chỉ liên hệ tại Danh sách trích ngang người đăng ký dạy thêm; Danh sách trích ngang người tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm và người đăng ký dạy thêm; Đơn xin dạy thêm có dán ảnh của người đăng ký dạy thêm quy định tại điểm b khoản 1, điểm b, c khoản 2 Điều 12 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

24. Thủ tục giao nhiệm vụ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục -B-BGD-285133-TT

Giảm bớt yêu cầu thông tin: Giới tính, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, quê quán, dân tộc, chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc tại Mẫu Lý lịch khoa học quy định

tại Phụ lục II Thông tư số 28/2014/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

II. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN NHÀ GIÁO

1. Thủ tục xét tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú -B-BGD-285186-TT

Giảm bớt yêu cầu thông tin tại Mẫu Bản khai thành tích bao gồm các thông tin: Giới tính, ngày tháng năm sinh, nguyên quán, hộ khẩu thường trú, dân tộc, địa chỉ liên hệ quy định tại Mẫu số 01 Bản khai thành tích tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

2. Thủ tục xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân -B-BGD-285187-TT

Giảm bớt yêu cầu thông tin tại Mẫu Bản khai thành tích bao gồm các thông tin: Giới tính, ngày tháng năm sinh, nguyên quán, hộ khẩu thường trú, dân tộc, địa chỉ liên hệ quy định tại Mẫu số 01 Bản khai thành tích tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

III. LĨNH VỰC QUY CHẾ THI TUYỂN SINH

1. Thủ tục triệu tập thí sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng đến trường - B-BGD-285183-TT

Bỏ thành phần hồ sơ: Giấy khai sinh quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

2. Thủ tục đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia -B-BGD-285245-TT

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy khai sinh (đối với đối tượng thí sinh tự do), bản sao sổ hộ khẩu (đối với đối tượng ưu tiên theo hộ khẩu).

- Giảm bớt các yêu cầu thông tin về: Giới tính, nơi sinh, hộ khẩu thường trú, ảnh, mã tỉnh, mã huyện, mã trường tại Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi THPT Quốc gia; thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân và chỉ yêu cầu nộp 01 Phiếu.

(Quy định tại Điều 13 Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia và xét tốt nghiệp trung học phổ thông)

IV. LĨNH VỰC HỆ THỐNG VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ

1. Thủ tục công nhận văn bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ và bằng tiến sĩ do cơ sở nước ngoài cấp -B-BGD-285196-TT

Giảm bớt các yêu cầu thông tin về: Ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi sinh, nơi ở hiện nay, hộ khẩu thường trú tại Mẫu Đơn đề nghị công nhận văn bằng quy định tại khoản 7 Điều 1 (Mẫu 1) Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

2. Thủ tục công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp - B-BGD-285249-TT

Giảm bớt các yêu cầu thông tin về: Ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi sinh, nơi ở hiện nay, hộ khẩu thường trú tại Mẫu Đơn đề nghị công nhận văn bằng quy định tại khoản 7 Điều 1 (Mẫu 1) Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và thay các thông tin trên bằng số định danh cá nhân.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền bàn hành các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các văn bản:

- Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

- Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng.

- Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

- Thông tư số 35/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định "Đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010 - 2020" được phê duyệt tại Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Thông tư số 30/2015/TT- BGDĐT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú ban hành kèm theo Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tư số 50/2012/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 40; bổ sung điều 40a của Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học.

- Thông tư số 60/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

- Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia và xét tốt nghiệp trung học phổ thông

- Thông tư số 10/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài.

- Quyết định số 4982/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý chuyên gia giáo dục Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

- Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài.

- Quyết định số 51/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

- Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm.

- Thông tư số 28/2014/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục.

- Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

- Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 5 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung mục 3 của Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2008 về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh sinh viên học tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và

chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.

- Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BGDĐT-BTC-BNV ngày 11 tháng 3 năm 2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo quy định tại Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011 - 2015.

- Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú.

- Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

- Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc